TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HNGĐ – ST
Ngày: 12 – 05 – 2026
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nam

Ông Nguyễn Duy Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2026/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 19/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/QĐST – HNGĐ ngày 16/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1997

Địa chỉ cư trú: Tổ F, ấp L, xã N, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Châu P, sinh năm 1996

Địa chỉ cư trú: Số E, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt và có đơn đề nghị được vắng mặt; ông Trần Châu P vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P tự nguyện quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 17/3/2022. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng. Sau khi kết hôn, ông bà sống bên gia đình chồng tại địa chỉ số E, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do ông P có người nhiều phụ nữ khác bên ngoài. Đến tháng 12/2025, bà và ông P tự ly thân cho tới nay. Ban đầu, bà và ông P có thỏa thuận ly hôn và ông P muốn là người gửi đơn. Tuy nhiên, sau đó ông P thay đổi nên bà khởi kiện ly hôn và có gọi điện thoại báo tin cho ông P biết. Do không muốn tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với ông P nên bà vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông P không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Châu P không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn, nuôi con của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông P vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS).

Về nội dung: Nhận thấy, mục đích hôn nhân của bà L và ông P không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L. Phía ông P không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lắng nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Châu P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú hợp pháp tại phường B, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang thụ lý giải quyết.

[2] Căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng cư trú ngày 04/02/2026 của Công an phường B là đủ cơ sở để xác định ông P có nơi cư trú hợp pháp tại địa chỉ số E, khóm B, phường B, tỉnh An Giang. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai, các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và 179 của BLTTDS cho ông P theo địa chỉ cư trú trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông P tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Phía bà L có Đơn đề nghị được vắng mặt khi xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Châu P được UBND phường B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 17/3/2022 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Bà L cho rằng, quá trình chung sống bà và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông P có mối quan hệ tình cảm nam nữ với nhiều người phụ nữ khác. Phía ông P được Tòa án triệu tập nhiều lần, tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông P không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của bà L, không đến tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình. Từ đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, bà L và ông P không còn quan tâm lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nếu tiếp tục duy trì mối quan

hệ này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn ông P.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông P về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 194 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Trần Châu P.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 194 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND khu vực 9 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 9 – An Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường Bình Đức
(GCNKH số 25 ngày 17/3/2022);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

Trần Phạm Xuân Khanh